

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH  
KHOA KINH TẾ, LUẬT & NGOẠI NGỮ**



**BÁO CÁO TỔNG KẾT  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**ĐỀ TÀI  
NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP  
ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: TRẦN LINH PHONG**

**ĐƠN VỊ: LỚP DA7QKDD-KHOA KINH TẾ, LUẬT & NGOẠI NGỮ**

*Trà Vinh, tháng 3 năm 2011*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH  
KHOA KINH TẾ, LUẬT & NGOẠI NGỮ**



**BÁO CÁO TUNG KẾT  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG**

**TÊN ĐỀ TÀI  
NGHIÊN CỨU ẢNH HƯỞNG CỦA PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP  
ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**

Xác nhận của cơ quan chủ trì

Chủ nhiệm đề tài

**TRẦN LINH PHONG**

*Trà Vinh, tháng 3 năm 2011*

## **LỜI CAM ĐOAN**

☪-\*-\*☪

Tôi xin cam đoan đề tài nghiên cứu “*Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp học tập đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học Trà Vinh*” là do chính tôi thực hiện.

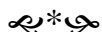
Các số liệu, kết quả phân tích và nội dung trong đề tài là trung thực, đề tài không trùng với bất kỳ đề tài nào khác.

*Trà Vinh, tháng 3 năm 2011*

Sinh viên thực hiện

**Trần Linh Phong**

## LỜI CẢM ƠN



Là sinh viên, ai cũng khác khao được được học tập, sáng tạo, và được cống hiến sức mình. Vì thế bản thân em cũng mong muốn làm điều gì đó nho nhỏ mong đóng góp cho việc học tập của mình cũng như của các bạn sinh viên của Trường Đại học Trà Vinh ngày một tốt hơn, chất lượng hơn. Với lý do ấy em đã đề xuất nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp học tập đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh*”.

Trải qua hơn một thời gian dài nghiên cứu, tìm hiểu về đề tài, nay em đã hoàn thành bài báo cáo này. Qua ngần ấy thời gian, với nhiều khó khăn trong bước đầu làm quen với nghiên cứu khoa học, em biết được giá trị quý báu của việc nghiên cứu, của những tác phẩm khoa học, cũng như sự vất vả khó khăn của những người làm công tác nghiên cứu khoa học. Qua đây em cảm thấy mình thật sự cần phải học hỏi nhiều hơn nữa để hoàn thiện kiến thức của mình và cống hiến cho xã hội.

Bài báo cáo này thể hiện sự quyết tâm và mong muốn cống hiến của chính bản thân em, thể hiện những tâm huyết của người hướng dẫn chỉ bảo em vào đây. Em thật sự rất cảm ơn những “ân nhân” đã tiếp cho em ngọn lửa đam mê trong nghiên cứu, những thầy cô đã tận tình chỉ bảo hướng dẫn em trong quá trình học tập cũng như thực hiện đề tài nghiên cứu này. Qua bài báo cáo, em xin gửi lời cảm ơn trân trọng đến tập thể quý thầy cô ***Khoa Kinh Tế, Luật & Ngoại Ngữ***, đặc biệt là những thầy cô của ***Bộ Môn Kinh Tế*** những người đã luôn động viên, giúp đỡ, chỉ bảo em trong suốt quá trình học tập cũng như nghiên cứu đề tài này. Trong đó, em xin cảm ơn thầy ***Diệp Thanh Tùng*** đã hết lòng giúp đỡ và hướng dẫn em trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Ngoài ra, em cũng chân thành cảm ơn ***Ban Giám Hiệu*** Nhà trường, quý thầy cô: ***Phòng Khoa học Công nghệ và Đào tạo Sau Đại học, Phòng Đào Tạo, Phòng Khảo Thí & Đảm Bảo Chất Lượng, Trung Tâm Hỗ Trợ, Phát Triển Dạy & Học, Khoa Nông Nghiệp - Thủy Sản, Khoa Kỹ Thuật & Công Nghệ, Khoa Sư phạm, Văn Hóa học & Khoa học Cơ bản*** đã tận tình hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành đề tài nghiên cứu này, xin gửi lời cảm ơn những người bạn đã cộng tác với em, cùng em thực hiện đề tài trong thời gian qua. Em cũng xin chân thành cảm ơn thầy ***Nguyễn Trọng Lăng*** – giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Trà Vinh đã nhiệt tình chỉ bảo và hướng dẫn về chuyên môn để giúp em hoàn thiện bài nghiên cứu này.

*Trà Vinh, tháng 3 năm 2011*

Sinh viên thực hiện

**Trần Linh Phong**

## **ABSTRACT**

Nowadays, the changes in learning styles and teaching methods in universities have created a lot of differences between the curriculum in schools and universities. Accordingly, Tra Vinh University has changed from statute learns share to credit regulation. Therefore, it is necessary to develop the self-study role of students more active in order to help them improve their academic performance. By many methods research as survey, observation, interviewed, and documental research, this research learns about the impact of learning methods (self-study) to learning outcomes of Tra Vinh University's students. Thus, finding the solutions proposed measures study (self-study) will effectively contribute to improve academic performance of students.

## **TÓM TẮT**

Ngày nay, những thay đổi trong phong cách học tập cũng như phương pháp giảng dạy tại trường đại học đã tạo ra rất nhiều sự khác biệt giữa chương trình học tại trường phổ thông và trường đại học. Theo đó, trường Đại học Trà Vinh đang chuyển đổi mô hình đào tạo từ quy chế học phần sang quy chế tín chỉ. Vì vậy, cần nâng cao vai trò tự học của sinh viên một cách chủ động hơn và nhằm giúp sinh viên cải thiện được kết quả học tập của mình. Bằng nhiều phương pháp nghiên cứu như: khảo sát, quan sát, phỏng vấn, tham khảo tài liệu..., bài nghiên cứu này tìm hiểu về sự ảnh hưởng của phương pháp học tập (tự học) đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Trà Vinh. Qua đó, tìm ra được các giải pháp đề xuất các biện pháp học tập (tự học) hiệu quả sẽ góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

## MỤC LỤC

Lời cảm ơn.....	i
Lời cam đoan.....	ii
Danh sách bảng – hình sử dụng .....	iii
Chú thích từ viết tắt .....	iv
Abstract – Tóm tắt .....	v
Mục lục .....	vi

### PHẦN MỞ ĐẦU

<u>1. Lý do chọn đề tài</u> .....	1
<u>2. Mục đích nghiên cứu</u> .....	3
<u>3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu</u> .....	3
<u>3.1 Khách thể nghiên cứu</u> .....	3
<u>3.2 Đối tượng nghiên cứu</u> .....	3
<u>4. Giả thuyết khoa học</u> .....	3
<u>5. Nhiệm vụ nghiên cứu</u> .....	3
<u>6. Phạm vi nghiên cứu</u> .....	3
<u>7. Các phương pháp nghiên cứu</u> .....	4

### PHẦN NỘI DUNG

#### CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA PHƯƠNG PHÁP HỌC

<u>TẬP ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN</u> .....	5
<u>1.1 Lịch sử nghiên cứu vấn đề</u> .....	5
<u>1.2 Một số khái niệm về vấn đề nghiên cứu</u> .....	6
<u>1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Trường</u> <u>Đại học Trà Vinh</u> .....	10

<b><u>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH .....</u></b>	<b><u>15</u></b>
<b><u>2.1 Tổng quan về Trường Đại học Trà Vinh .....</u></b>	<b><u>15</u></b>
<b><u>2.2 Kết quả nghiên cứu mối quan hệ giữa phương pháp học tập với kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh .....</u></b>	<b><u>17</u></b>
<b><u>2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên .....</u></b>	<b><u>23</u></b>
<b><u>CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO KẾT QUẢ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH ..</u></b>	<b><u>25</u></b>
<b><u>3.1 Định hướng đề xuất giải pháp tự học cho sinh viên .....</u></b>	<b><u>25</u></b>
<b><u>3.2 Các biện pháp giúp sinh viên tự học đạt tốt .....</u></b>	<b><u>25</u></b>
<b><u>3.3 Kiểm tra tính khả thi của các biện pháp giúp sinh viên tự học tốt hơn .....</u></b>	<b><u>29</u></b>
<b><u>PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</u></b>	
<b><u>KẾT LUẬN .....</u></b>	<b><u>33</u></b>
<b><u>KIẾN NGHỊ .....</u></b>	<b><u>35</u></b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong lịch sử giáo dục nước ta, việc đổi mới mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục luôn được quan tâm qua từng giai đoạn phát triển. Để đạt được mục tiêu giáo dục đòi hỏi người dạy - người học phải hợp tác với nhau, trong đó người học phải có phương pháp suy nghĩ, suy luận, phương pháp giải quyết vấn đề đúng đắn để tiếp thu kiến thức đã học. Muốn vậy, người học phải tích cực, chủ động, độc lập suy nghĩ, phải có cách học tập hợp lý. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: *“Về cách học phải lấy tự học làm cốt”*.

Để đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi chúng ta phải đầu tư cho giáo dục, xem “giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Ngành giáo dục phải không ngừng nâng cao chất lượng để thực hiện mục tiêu chiến lược nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Chất lượng giáo dục phụ thuộc vào quá trình dạy học - hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò. Trong quá trình đó, dưới sự lãnh đạo tổ chức, điều khiển của thầy và trò, thầy và trò tự giác, chủ động tích cực tự tổ chức quá trình nhận thức nhằm thực hiện các nhiệm vụ học tập. Trong thư gửi Hội thảo khoa học nghiên cứu và tự học, nguyên Tổng Bí thư Trung Ương Đảng Đỗ Mười có viết: *“Chất lượng và hiệu quả giáo dục được nâng lên khi tạo ra được năng lực sáng tạo của người học, khi biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Quy mô giáo dục được mở rộng khi có phong trào toàn dân tự học”*.

Tự học là con đường tốt nhất giúp cho người học, cho mỗi sinh viên hiểu biết sâu sắc và làm phong phú thêm kiến thức của mình; giúp họ sáng tạo ra những giá trị để góp phần xây dựng cuộc sống.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã khẳng định: *“Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục đào tạo... bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học; phát triển mạnh mẽ phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân, nhất là thanh niên”*.

“Luật giáo dục” (2005) nêu rõ: *“Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên.”*

Trong những năm qua, Trường Đại học Trà Vinh có nhiều cố gắng trong hoạt động dạy - học, chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, góp phần đào tạo đội ngũ lao động có trình độ trong tỉnh. Tuy nhiên, thực tế hoạt động học tập của sinh viên vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của Nhà trường. Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên, đó là: định hướng của trường, khoa, của giảng viên trong quá trình đào tạo. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên phần lớn là do sinh viên chưa có kế hoạch học tập, nhất là phương pháp tự học hợp lý để biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo còn hạn chế.



Từ những vấn đề nêu trên, Trường Đại học Trà Vinh xác định mục tiêu đào tạo “*Mang đến cơ hội học tập chất lượng cho cộng đồng*”. Một trong những yếu tố để nâng cao chất lượng học tập của sinh viên là tăng cường hiệu lực công tác dạy và học, đặc biệt chú ý tới phương pháp học tập của sinh viên. Bởi vậy, việc tìm hiểu - nghiên cứu mối quan hệ giữa phương pháp học tập và kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh là cần thiết hiện nay. Với những lý do trên, chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài: “*Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp học tập đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh*”.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu lý luận và thực trạng phương pháp học ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh, đề xuất các biện pháp học tập hiệu quả nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

### **3.1 Khách thể nghiên cứu**

Quá trình học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

### **3.2 Đối tượng nghiên cứu**

Ảnh hưởng của phương pháp học tập đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

## **4. Giả thuyết khoa học**

Hiện nay, Trường Đại học Trà Vinh đang chuyển đổi mô hình đào tạo từ quy chế học phần sang quy chế tín chỉ, vì vậy cần nâng cao vai trò tự học của sinh viên một cách chủ động hơn. Nếu đề xuất được các biện pháp học tập (tự học) hiệu quả sẽ góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về phương pháp học tập ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.
- Khảo sát thực trạng việc phương pháp học tập (tự học) ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.
- Đề xuất các biện pháp học tập hiệu quả giúp sinh viên nâng cao kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

## **6. Phạm vi nghiên cứu**

### **6.1 Nội dung nghiên cứu**

Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu các phương pháp tự học ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh trong và ngoài giờ lên lớp.

### **6.2 Giới hạn khách thể điều tra**

- Đề tài khảo sát: 230 sinh viên thuộc các ngành Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Phát triển Nông thôn, Anh văn, Công nghệ Hóa học, bậc cao đẳng và đại học, hệ đào tạo chính quy, các khóa 2007, 2008 đang học tập tại Trường Đại học Trà Vinh.
- Khảo sát xin ý kiến về các biện pháp đề xuất của 30 giảng viên thuộc các khoa: Khoa Kinh tế, Luật & Ngoại ngữ, Khoa Nông nghiệp - Thủy sản, Khoa Kỹ thuật & Công nghệ, Khoa Sư phạm, Văn hóa học và Khoa học Cơ bản.

## **7. Các phương pháp nghiên cứu**

### **7.1 Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận**

Phân tích, tổng hợp các tài liệu lý luận và các văn bản có liên quan.

### **7.2 Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

#### **7.2.1 Phương pháp quan sát**

Quan sát hoạt động của Nhà trường, giảng dạy của giảng viên, học tập trong giờ học và hoạt động ngoài giờ lên lớp của sinh viên hệ chính quy năm thứ nhất, năm thứ hai ở trường nhằm rút ra những điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân.

#### **7.2.2 Phương pháp tham khảo tài liệu**

Tham khảo tài liệu, thông tin về Trường Đại học Trà Vinh các khái niệm, lý luận liên quan đến nội dung nghiên cứu, điểm số sinh viên, và các nội dung liên quan đến đề tài nghiên cứu.

#### **7.2.3 Phương pháp khảo sát thông tin bằng bảng câu hỏi**

Lập phiếu khảo sát thông tin, khảo sát thông tin sinh viên của Khoa Kinh tế, Luật & Ngoại ngữ, Khoa Nông nghiệp - Thủy sản, Khoa Hóa học Ứng dụng. Nội dung khảo sát nhằm tìm hiểu phương pháp tự học của sinh viên các khoa.

#### **7.2.4 Phương pháp tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia**

Lấy ý kiến chuyên gia là những cán bộ quản lý, những giảng viên có kinh nghiệm trong công tác và giảng dạy thông qua trao đổi, đặt vấn đề và thu thập các phiếu trưng cầu ý kiến về biện pháp giúp sinh viên có phương pháp học tập hiệu quả nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

#### **7.2.5 Phương pháp tổng kết kinh nghiệm**

Rút ra được những kinh nghiệm về phương pháp tự học của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

### **7.3 Nhóm phương pháp thống kê toán học**

Sử dụng các công cụ thống kê để xử lý kết quả nghiên cứu nhằm rút ra kết luận.

## PHẦN NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

#### 1.1 Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Phương pháp học tập, đặc biệt là việc tự học của sinh viên, là một vấn đề có tính truyền thống và tính phổ biến không chỉ ở nước ta mà còn là vấn đề của thế giới. Trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử, vấn đề tự học đã được đề cập dưới nhiều hình thức khác nhau và đã được nhiều học giả nghiên cứu.

Ở phương Đông, từ thời cổ đại, nhiều nhà giáo dục lỗi lạc đã nhận thấy vai trò quan trọng của tự học. Khổng Tử (551-479, Tr CN) - nhà giáo dục kiệt xuất thời Trung Hoa cổ đại - luôn quan tâm và coi trọng mặt tích cực suy nghĩ của người học. Ông đã dạy học trò: *“Không khao khát vì không muốn biết thì không gọi cho, không cảm thấy xấu hổ vì không rõ thì không bày vẽ cho”*. Vật có bốn góc, bảo cho biết một góc mà không suy ra được ba góc kia thì không dạy nữa. Trong việc học, ông đòi hỏi học trò phải nghiên cứu, tìm tòi, phải biết kết hợp học với nghĩ, biết phát huy năng lực sáng tạo của bản thân trong quá trình tự học. Một số học giả ấn Độ cho rằng: Quá trình học tập là quá trình người dạy điều khiển hoạt động tự học của người học một cách gián tiếp. Tự học là một hình thức học có hiệu quả nhất trong quá trình dạy và học.

Ở phương Tây, nhà sư phạm lỗi lạc Tiệp Khắc J.A.Comenxki (1592 - 1670) - Ông tổ của nền giáo dục cận đại - đã khẳng định: *“Không có khát vọng học tập thì không trở thành tài năng”*. Ở thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, các nhà giáo dục nổi tiếng thế giới như: J.J.Rutxô (1712 - 1778), J.H.Petstalogi (1746 - 1827), K.D.Usinxky (1824 - 1890) trong các tác phẩm nghiên cứu của mình đã khẳng định: Tự học giành lấy tri thức bằng con đường khám phá, tự tìm tòi, tự suy nghĩ là con đường quan trọng để chiếm lĩnh tri thức. Qua nghiên cứu, N.A.Rubakin, Smit Hecbot đã nhấn mạnh: Giáo dục động cơ học tập đúng đắn là điều kiện cơ bản để học sinh tích cực, chủ động trong học tập. B.P.Exipov chỉ ra rằng: Các kỹ năng cơ bản của tự học là vấn đề hết sức quan trọng đảm bảo cho người học đạt kết quả trong học tập.

Trong những năm gần đây, các nước phương Tây nở rộ phong trào tìm phương pháp giáo dục tích cực dựa trên cơ sở: lấy người học làm trung tâm để phát huy năng lực bên trong của người học. J.DeWay cho rằng: *“Học sinh là mặt trời, xung quanh nó quy tụ mọi phương tiện giáo dục”*. Trong khuyến cáo về “Giáo dục cho thế kỷ XXI”, UNESCO đã nêu bốn trụ cột của giáo dục: *“Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống, học để làm người”*.

Ở Việt Nam, phương pháp tự học chỉ thực sự được chú ý và quan tâm dưới nền giáo dục XHCN. Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc ta - là một tấm gương sáng ngời, ý chí quyết tâm về tự học và tự rèn luyện. Người động viên: *“Phải tự nguyện, tự giác xem công việc tự học là nhiệm vụ của người cách mạng, phải cố gắng hoàn thành cho được, do đó phải tích cực,*

*tự động hoàn thành kế hoạch học tập*". Người còn chỉ rõ: "*Về cách học phải lấy tự học làm cốt*".

Tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đảng, Nhà nước vận dụng vào đường lối giáo dục của nước nhà. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Trung Ương Đảng khóa VIII nhấn mạnh: "*Đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học*". Quan điểm này tiếp tục được khẳng định ở các văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, lần thứ X về cách dạy - học hiện nay.

Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quán triệt đường lối của Đảng về giáo dục, trong những thập niên qua có nhiều nhà nghiên cứu đã làm rõ vai trò của tự học cũng như những tác động tích cực của tự học đến quá trình học tập. Các tác giả như: Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt, Đặng Bá Lãm, Nguyễn Cảnh Toàn, Nguyễn Đức Chính cùng một số nhà giáo dục khác đã có nhiều công trình nghiên cứu về hoạt động tự học của người học. Các tác giả đều khẳng định: Tự học có vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Đó là cách thức giúp người học phát huy tính độc lập, chủ động sáng tạo để chiếm lĩnh tri thức khoa học. "*Người dạy là tác nhân hướng dẫn, thiết kế, tổ chức người học biết cách làm, biết cách học*".

Gần đây, một số luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ có đề cập đến vấn đề tự học ở những khía cạnh khác nhau như: nâng cao hoạt động tự học cho sinh viên phổ thông, nâng cao hoạt động tự học của sinh viên trường cao đẳng như đề tài tác giả Võ Hoàng Khải về quản lý hoạt động tự học, tăng cường hoạt động tự học của học viên trường quân sự, trường cán bộ quản lý Giáo dục & Đào tạo... Từ những góc độ khác nhau, các tác giả nghiên cứu, phân tích thực trạng của hoạt động tự học, từ đó đề ra các biện pháp để nâng cao hiệu quả của phương pháp tự học đến kết quả học tập của sinh viên.

Như vậy, vấn đề tự học đã được nhiều nhà khoa học, nhiều nhà nghiên cứu quan tâm ở các khía cạnh khác nhau. Hầu hết các công trình nghiên cứu đều khẳng định vai trò của phương pháp tự học, các biện pháp tổ chức hoạt động tự học cho học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, ở góc độ ảnh hưởng phương pháp học tập đến kết quả học tập của sinh viên ít được các tác giả quan tâm. Do vậy, việc đi sâu nghiên cứu cơ sở lý luận về phương pháp học tập (tự học), trên cơ sở đó đề ra các biện pháp giúp sinh viên học tập hiệu quả là rất cần thiết với thực tế nhà trường hiện nay. Đặc biệt, Trường Đại học Trà Vinh có nhiệm vụ đào tạo với mục tiêu "*Mang đến cơ hội học tập chất lượng cho cộng đồng*" chưa có công trình nghiên cứu về vấn đề phương pháp học tập (tự học). Chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài này nhằm góp phần giải quyết một trong những đòi hỏi cấp bách hiện nay của Trường Đại học Trà Vinh.

## **1.2 Một số khái niệm về vấn đề nghiên cứu**

### **1.2.1 Khái niệm sinh viên**

Sinh viên là khái niệm dùng để chỉ những người đang theo học ở bậc đại học, cao đẳng và được dùng để phân biệt với học sinh phổ thông.

Theo “Từ điển giáo dục học”: “*Sinh viên, người học của một cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học. Có thể phân loại sinh viên đại học theo những phạm trù khác nhau. Sinh viên tập trung, sinh viên chính quy, sinh viên không tập trung...*” Khái niệm sinh viên được sử dụng rộng rãi với nghĩa: “*Sinh viên là đại biểu của một nhóm xã hội, đặc biệt gồm những người đang trong quá trình chuẩn bị tri thức nghề nghiệp, để trở thành các chuyên gia hoạt động, lao động trong một lĩnh vực nhất định thuộc các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội*”.

Như vậy, ta có thể hiểu: Sinh viên Việt Nam là những người đang học tại các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước, đang tích cực tích lũy tri thức và kiến thức nghề để đáp ứng nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

#### **\* Đặc điểm tâm lý - xã hội của sinh viên**

- Sinh viên thuộc nhóm lứa tuổi từ 18 đến 23 tuổi. Cơ thể đã phát triển hoàn chỉnh, ổn định. Hệ thần kinh cao cấp đã trưởng thành. Do đó, khả năng hoạt động trí tuệ của sinh viên vượt xa hoạt động trí tuệ của học sinh phổ thông. Sự phát triển trí tuệ ở giai đoạn này được nâng cao, nhất là khả năng lập luận logic, tưởng tượng, sự hình thành ý tưởng trừu tượng, phán đoán được nâng cao.
- Về mặt tâm lý, một đặc điểm quan trọng của lứa tuổi này là sự phát triển tự ý thức. Nó có chức năng điều chỉnh nhận thức và thái độ đối với bản thân; là điều kiện để phát triển và hoàn thiện nhân cách.
- Giai đoạn này, sinh viên có nhu cầu mở rộng mối quan hệ xã hội, tác phong chững chạc, cách ứng xử mới, tự xác định và lựa chọn nghề nghiệp cho mình.

Từ những đặc điểm trên, ta thấy đây là giai đoạn hình thành và ổn định tính cách. Sinh viên bắt đầu có tính độc lập, tự lập và tự quản cao trong hoạt động, nhất là hoạt động học tập. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên chủ động tích cực và tự giác học tập, tự nghiên cứu.

#### **\* Hoạt động học của sinh viên**

Hoạt động học của sinh viên cũng mang những đặc điểm chung của người học, song hoạt động học của sinh viên còn có những nét riêng.

Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, sinh viên có nhiệm vụ cơ bản là: “*Chấp hành các quy định trong Điều lệ trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, các quy chế sinh viên nội trú, ngoại trú; hoàn thành trong thời hạn quy định tất cả nội dung học tập, NCKH, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch đào tạo của nhà trường...*”.

Trước hết, sinh viên phải chấp hành Điều lệ nhà trường. Trong đó quy định nhiệm vụ, quyền hạn của người học, các quyết định về rèn luyện như quyết định số 41, 42, 43 của sinh viên nội trú, sinh viên ngoại trú để định hướng cho sinh viên phấn đấu, rèn luyện.

### 1.2.1 Phương pháp học tập

Phương pháp học tập phải phù hợp với nội dung tự học. Các phương pháp học tập đặc biệt là phương pháp tự học có những điểm chung mà người học cần tập trung nghiên cứu, thực hiện. Đó là các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hóa, khái quát hóa, quy nạp, diễn dịch, sơ đồ, bản vẽ, ký hiệu... Tuy nhiên, bên cạnh các phương pháp học chung còn có các phương pháp học đặc thù tùy theo từng môn học.

Từ các phương pháp học tập, tự học nêu trên, người học cần lựa chọn và xác định cho bản thân phương pháp học tập phù hợp. Người học phải tự vượt khó, phải quyết tâm thực hiện đúng kế hoạch tự học từng ngày, từng tháng, từng năm; phải tranh thủ sự giúp đỡ của giảng viên, bạn bè cùng các phương tiện hỗ trợ học tập để tự học đạt kết quả.

Phương pháp học tập tốt là phương pháp học tập tích cực, chủ động tìm tòi thông tin, tham gia vào các hoạt động thực hành, nghiên cứu, đi sâu tìm hiểu bản chất các vấn đề học tập, biết hệ thống hóa, ghi nhớ kiến thức và biết tìm cách vận dụng vào các công việc học tập cụ thể.

Phương pháp học tập là phương pháp nhận thức, rèn luyện thực hành để tự phát triển theo mục tiêu giáo dục. Phương pháp học tập của sinh viên một mặt tuân thủ sự hướng dẫn của phương pháp giảng dạy, mặt khác lại phải phát huy tính tích cực, sáng tạo riêng của mình.

Phương pháp học tập được quy định bởi mục đích, nội dung của từng môn học, từng bài học, bởi môi trường lớp học, phương tiện học tập, kinh nghiệm của bản thân và phương pháp hướng dẫn của giảng viên.

Phương pháp học tập phụ thuộc nhiều vào ý thức của sinh viên, biết tự vượt qua chính mình. Sự say mê, hứng thú, quyết tâm, sự tập trung chú ý vào các nhiệm vụ học tập sẽ tạo nên kết quả học tập tốt. Ngoài ra phương pháp học tập còn phụ thuộc vào năng lực, kinh nghiệm, thói quen và kỹ năng học tập và tính khoa học của từng sinh viên. Kết quả học tập quyết định bởi kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập và xử lý, trình bày thông tin của cá nhân sinh viên.

### 1.2.2 Khái niệm tự học

Tự học là tự mình suy nghĩ, tự tìm kiến thức. Đó là quá trình người học tự lực, tự giác tiếp thu tri thức bằng hành động của bản thân để đạt được mục đích nhất định.

Có nhiều tác giả thể hiện các tiếp cận khác nhau về tự học:

*“Tự học là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp...) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình, rồi cả động cơ, tình cảm, cả nhân sinh quan, thế giới quan (như trung thực, khách quan có chí tiến thủ không ngại khó...) để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó thành sở hữu của mình”.*

*“ Tự học là công việc tự giác của mỗi người do nhận thức đúng vai trò quyết định của nó đến sự tích lũy kiến thức cho bản thân, cho chất lượng công việc của mình đảm nhận, cho sự tiến bộ xã hội... ”.*

Các tác giả quan niệm tự học là công việc của người học. Người học phải tự giác sử dụng các năng lực trí tuệ, phẩm chất tâm lý để chiếm lĩnh tri thức khoa học. Do đó, dạy học phải kích thích được năng lực của người học.

### **1.2.3 Kết quả học tập và đánh giá kết quả học tập**

Có một số quan niệm về kết quả học tập: *“Kết quả học tập là bằng chứng sự thành công của học sinh/sinh viên về kiến thức, kỹ năng, năng lực, thái độ đã được đặt ra trong mục tiêu giáo dục”* (James Madison University, 2003; James O. Nichols, 2002). Một quan niệm khác là *“Kết quả học tập là kết quả của một môn học, một chuyên ngành hay của cả một khóa đào tạo”* hay *“kết quả học tập của sinh viên bao gồm các kiến thức, kỹ năng và thái độ mà họ có được. Các kiến thức, kỹ năng này được tích lũy từ các môn học khác nhau trong suốt quá trình học được qui định cụ thể trong chương trình đào tạo”*. Trường Cabrillo quan niệm về kết quả học tập của sinh viên *“là kiến thức, kỹ năng và thái độ sinh viên đạt được và phát triển trong suốt khóa học”*.

Những quan niệm này tuy cách nói khác nhau nhưng tất cả đều cho rằng kết quả học tập là gồm các kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học có được trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường. Như vậy, nội dung xác định kết quả học tập là kiến thức, kỹ năng và thái độ sinh viên đạt được qua học tập và rèn luyện ở từng môn học trong chương trình học tại trường. Vậy đánh giá kết quả học tập của sinh viên là gì? Thực tế, có khá nhiều quan niệm về đánh giá kết quả học tập.

Theo Trường Đại học Cabrillo, *“Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là sự thu thập thông tin, sự xem xét lại và sử dụng thông tin có hệ thống về chương trình đào tạo đó được áp dụng nhằm cải tiến việc học tập và phát triển của người học”*. (Nguồn: Assessment Essentials, Palomba & Banta). Hay theo trường cao đẳng cộng đồng bang Baltimore (CCBC), *“Đánh giá kết quả học tập không phải là nói đến tính chính xác cũng không phải nói đến tính hoàn hảo và những thông tin thu thập được được lý giải với điều đó ở trong đầu. Đánh giá kết quả học tập là một cách tư duy về chất lượng từ sự sẵn sàng không ngừng kiểm tra, nghi vấn, và khi cần thiết, thay đổi những gì chúng ta làm”*.

Những định nghĩa về đánh giá kết quả học tập nêu trên hàm ý đánh giá kết quả học tập là một quá trình. Thông qua đánh giá, chúng ta có thể cải tiến chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, những định nghĩa trên chưa thể hiện rõ và đầy đủ về đánh giá kết quả học tập như trong định nghĩa của Rebecca Cartwright, Ken Weiner và Samantha Streamer - Veneruso.

*“Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập thông tin và những thông tin này sẽ thông báo cho cơ sở đào tạo biết liệu rằng những dịch vụ, hoạt động của cơ sở đào tạo hoặc những thực nghiệm đang được cơ sở đào tạo áp dụng có tác động như mong muốn lên những người tham gia vào những dịch vụ, hoạt*



*động hoặc những thực nghiệm đó hay không. Mặt khác cơ sở đó có tạo ra một sự khác nhau trong đời sống giữa các cá nhân nó phục vụ hay không*". Thông thường chúng ta thấy ở các trường đại học, đơn giản nhất, đánh giá kết quả học tập gồm có 03 giai đoạn:

- Xác định những mục tiêu quan trọng nhất sinh viên cần đạt được.
- Đánh giá sinh viên thực sự đạt được mục tiêu ở mức độ nào.
- Sử dụng kết quả cải tiến đào tạo.

Thực chất của đánh giá là thu thập các chứng cứ để so sánh với chuẩn mực đã được xác định. Đánh giá kết quả học tập là xác định mức độ nắm được kiến thức, kỹ năng của học sinh sinh viên so với yêu cầu của chương trình đề ra.

Việc đánh giá chính xác, chân thực với nội dung, hình thức phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo sẽ có tác dụng trực tiếp với người học. Từ đó, người học tìm ra nguyên nhân, đề ra những giải pháp để việc học có hiệu quả. Việc đánh giá tốt sẽ dẫn đến tự đánh giá tốt của đối tượng. Nó "có tác động mạnh mẽ đến tâm lý đối tượng, tạo điều kiện để đối tượng phát triển nhân cách, thói quen tự đánh giá đúng mình, tinh thần trách nhiệm, nỗ lực ý chí, tính kiên định, lòng tự tin vào mình". Như vậy, người học sẽ luôn nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học cho bản thân ngay khi bắt đầu học trong trường đại học.

### **1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh**

#### **1.3.1 Mục đích tự học**

Hoạt động của con người bao giờ cũng có tính mục đích. Một trong những mục đích hoạt động của con người là làm biến đổi chính bản thân mình. Vì vậy, mục đích sẽ định hướng về nội dung, yêu cầu và phương thức hoạt động giúp con người đạt tới điều mình mong muốn. Nói cách khác, mục đích là mô hình đặt ra trước trong ý thức con người, nó hướng dẫn hành động và điều chỉnh hành động.

Người học là chủ thể của hoạt động học tập, là chủ thể có ý thức, chủ động, tích cực, sáng tạo trong nhận thức và rèn luyện nhân cách. Người học muốn phát huy được tính tích cực, sáng tạo của bản thân thì cần xác định được mục đích tự học.

Mục đích tự học của sinh viên được biểu hiện cụ thể bằng các nhiệm vụ học tập. Khi người học hoàn thành được các nhiệm vụ tự học của mình, biến hệ thống tri thức, kỹ năng, thành vốn kinh nghiệm của bản thân thì khi đó người học đã đạt được mục đích tự học.

#### **1.3.2 Động cơ tự học**

Những đối tượng đáp ứng nhu cầu trong hiện thực khách quan khi bộc lộ ra được chủ thể nhận biết sẽ thúc đẩy, hướng dẫn con người hoạt động. Khi đó, chúng trở thành động cơ của hoạt động. Động cơ hoạt động là lực đẩy trực tiếp,

là nguyên nhân của hành động, duy trì hứng thú, tạo ra sự chú ý liên tục giúp chủ thể vượt khó khăn để đạt tới mục đích đã định.

Hoạt động tự học của sinh viên được thúc đẩy bởi hệ thống động cơ học tập nói chung và động cơ tự học nói riêng. Động cơ tự học ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của quá trình tự học. Nó được hình thành trước tiên, xuất phát từ việc người học thỏa mãn nhu cầu trong học tập là hoàn thành các nhiệm vụ học tập, bắt buộc người học phải thực hiện trong một thời hạn nhất định. Động cơ tự học lúc này sẽ làm thỏa mãn nhu cầu của người học là tạo được niềm tin ở người dạy, bạn bè, gia đình bằng việc hoàn thành nghĩa vụ học tập của mình. Vì vậy, người học sẽ tự giác, tích cực, chủ động có kế hoạch cụ thể để thực hiện tốt hoạt động tự học.

Động cơ tự học nảy sinh xuất phát từ ý thức trách nhiệm của chính bản thân người học. Trong quá trình tự học, chính nội dung tri thức khoa học làm nảy sinh trong sinh viên sự ham hiểu biết, say mê nghiên cứu để chiếm lĩnh tri thức khoa học. Muốn hoạt động tự học có kết quả thì động cơ tự học phải được cụ thể hoá thành nhiệm vụ tự học. Việc tự học có kết quả sẽ tạo động lực cho quá trình tự học tiếp theo. Nói cách khác, chính việc giải quyết những mâu thuẫn trong quá trình tự học là yếu tố cơ bản để hình thành động cơ tự học.

Hoạt động tự học là hành động tự học bằng nhiều con đường, nhiều biện pháp. Các biện pháp hình thành động cơ tự học có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Có những biện pháp giữ vai trò chủ đạo, có những biện pháp giữ vai trò phụ thuộc tùy theo từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của từng sinh viên.

### **1.3.3 Phương pháp tự học**

Phương pháp tự học là cách thức hoạt động của người học trong quá trình lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, tìm tòi tri thức mới. Theo Rubakin “*Hãy mạnh dạn tự mình đặt ra câu hỏi rồi tự mình tìm lấy câu trả lời. Đó chính là phương pháp tự học*”.

Trong tự học, yếu tố quan trọng để đảm bảo thành công là phương pháp tự học. Nếu người học rèn luyện được thói quen, phương pháp, kỹ năng tự học thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy tiềm năng vốn có trong mỗi người, làm cho kết quả học tập được tăng lên, thích ứng quá trình học tập của trò và phương pháp dạy của thầy.

### **1.3.4 Phương pháp giảng dạy của giảng viên**

Phương pháp dạy học là con đường mà chủ thể sử dụng để tác động nhằm biến đổi đối tượng theo mục đích đã định.

Theo “Từ điển Giáo dục học”: “*Phương pháp dạy học, cách thầy tiến hành việc dạy nội dung đi đôi với việc dạy cách học cho trò nhằm giúp cho trò trau dồi phương pháp tự học để nắm vững nội dung đang học, đồng thời để rèn luyện cách tự học suốt đời*”.

Hiện nay trong các trường học, việc thực hiện phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực chủ động, độc lập của người học đang là vấn đề

cấp bách. Điều đó, đòi hỏi người học phải trở thành chủ thể trong việc tìm tòi, lĩnh hội kiến thức mới.

Người dạy là người thiết kế, tổ chức quá trình tự học của người học. Vì vậy, việc thay đổi cách dạy của người dạy đòi hỏi người học phải thay đổi cách học, người học phải tự học dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của người dạy. Từ đó mới tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa cách dạy và cách học. Do vậy, muốn hình thành và phát huy khả năng tự học cho sinh viên thì giảng viên phải thay đổi cách dạy nhằm phát huy tính tự giác, tích cực, độc lập của sinh viên trong quá trình đào tạo.

### **1.3.5 Kỹ năng tự học**

Kỹ năng tự học là yếu tố cần thiết giúp người học hoàn thành nhiệm vụ học tập. Hoạt động tự học là hoạt động tự tìm tòi, khám phá để chiếm lĩnh tri thức. Do đó để tiến hành tự học, người học phải biết xác định mục tiêu, biết phân tích những điều kiện phương tiện đã có để có cách thức hành động phù hợp nhằm đạt mục tiêu hoạt động học.

Như vậy, kỹ năng tự học có thể hiểu là phương thức hành động trên cơ sở lựa chọn và vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có để thực hiện kết quả mục tiêu học tập đặt ra cho phù hợp với hoàn cảnh.

Kỹ năng tự học được biểu hiện ở mặt kỹ thuật của hành động tự học và năng lực tự học của mỗi cá nhân. Nói cách khác, năng lực tự học được biểu hiện ở kỹ năng tự học. Để tự học đạt kết quả, người học phải có những kỹ năng tự học tương ứng: kỹ năng ghi chép, kỹ năng đọc sách, kỹ năng tập trung tư tưởng, kỹ năng nhớ, kỹ năng tự nghiên cứu, hệ thống hóa bài học... Các kỹ năng tự học có mối quan hệ hữu cơ, bổ sung cho nhau, có ý nghĩa quyết định đến kết quả tự học. Do đó, trong hoạt động tự học, người học phải biết vận dụng kết hợp các kỹ năng để tự điều khiển, tác động khi thực hiện hoạt động học để đạt kết quả cao.

Từ đặc điểm của hoạt động tự học, sinh viên Trường Đại học Trà Vinh có thể xác định các kỹ năng tự học dưới đây:

- Kỹ năng lập kế hoạch tự học, gồm: phân tích để xác định mục tiêu tự học, nội dung tự học, sắp xếp thứ tự công việc cần làm, phân phối thời gian cho từng công việc hợp lý phù hợp với điều kiện và phương tiện hiện có.
- Kỹ năng tổ chức thực hiện kế hoạch, gồm: Kỹ năng đọc sách, nghiên cứu tài liệu học tập, kỹ năng ghi chép, kỹ năng giải các bài tập, kỹ năng thực hiện các thao tác trí tuệ như: hệ thống hóa, khái quát hóa...
- Kỹ năng tự kiểm tra đánh giá là kỹ năng xây dựng các độ chuẩn để kiểm tra, thang đánh giá để tự đánh giá. Từ đó, người học chọn cách thức thực hiện hành động và sử dụng thao tác tự kiểm tra, tự đánh giá như: phân tích, so sánh, đối chiếu... Tự kiểm tra là kỹ năng không thể thiếu được trong việc thực hiện mục tiêu đã đề ra. Nó kịp thời giúp người học kịp thời phát hiện sai sót và điều chỉnh hoạt động tự học để đạt kết quả học tập.

Việc huy động các kỹ năng tự học để thực hiện các mục tiêu tự học là một trong những yếu tố giúp người đáp ứng được nội dung, chương trình được đào tạo.

### **1.3.6 Nội dung, chương trình đào tạo**

Do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, khối lượng tri thức ngày càng lớn, trong khi đó, thời gian đào tạo không tăng, chương trình đào tạo còn đang thay đổi và hoàn thiện nên đòi hỏi người học phải tăng cường tự học. Có như vậy, người học mới chiếm lĩnh tri thức để bổ sung vào vốn tri thức của bản thân để hoàn thiện nhân cách của mình.

### **1.3.7 Các phương tiện, điều kiện vật chất**

Mục đích, động cơ, kỹ năng phương pháp tự học là những yếu tố quan trọng giúp người học định hướng và thực hiện có kết quả nhiệm vụ học tập. Nhưng, để hoạt động tự học diễn ra được thuận lợi thì không thể thiếu được sự hỗ trợ tích cực của các phương tiện vật chất phục vụ hoạt động tự học.

Các phương tiện hỗ trợ hoạt động tự học là: lớp học, hội trường, sách vở, tài liệu tham khảo, máy tính, Internet... Trong số đó, phương tiện thường được sử dụng và quan trọng đối với sinh viên là: sách, tài liệu tham khảo. Thiếu nó, người học sẽ không thể tích lũy tri thức, mở rộng hiểu biết. Thiếu nó, người học sẽ thiếu căn cứ cho những khám phá, sáng tạo của bản thân. Thiếu nó, người học sẽ tốn nhiều thời gian, công sức để bổ sung vào vốn kinh nghiệm của mình.

### **1.3.8 Phong trào tự học trong tập thể sinh viên**

Tập thể có vai trò rất lớn trong việc hình thành và phát triển nhân cách. Đó là một nhóm người, một bộ phận xã hội gắn bó chặt chẽ theo mục đích chung.

Tập thể học sinh là *“Tập hợp những học sinh gắn bó chặt chẽ với nhau, cùng nhau tiến hành những hoạt động có ích như học tập, lao động, công tác xã hội, thể thao v.v.”*

Một tập thể có kỷ luật nghiêm, mọi hoạt động được tiến hành trong một trật tự, một nề nếp sẽ là môi trường thuận lợi để sinh viên rèn luyện và hình thành thói quen tốt. Theo tác giả Phạm Viết Vượng: tập thể học sinh là một tập thể được tổ chức để giáo dục, là một môi trường thuận lợi để học sinh thi đua và là nơi để học sinh thử sức, thể hiện và khẳng định khả năng của mình.

Bầu không khí tự học trong tập thể có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành động cơ và ý thức tự học trong sinh viên. Sống trong một tập thể gắn bó với nhau, lấy việc học tập làm mục tiêu phấn đấu chung cho tất cả thành viên thì mỗi cá nhân khó có thể thờ ơ trước hoạt động của tập thể. Mỗi cá nhân sẽ cảm thấy xấu hổ nếu thua kém bạn bè, sẽ băn khoăn khi sử dụng thời gian một cách lãng phí. Những việc làm trái với trật tự đã đạt được tập thể xây dựng sẽ bị chỉ trích, phê bình, buộc mỗi cá nhân phải hòa mình vào bầu không khí chung ấy.

Như vậy, mọi người trong tập thể gương mẫu, cố gắng nhiệm vụ tự học sẽ là môi trường tốt nhất giúp người học có ý thức, say mê, tự giác học tập, tự khẳng định mình trước tập thể. “Nhà quản lý cần hết sức quan tâm tổ chức, giúp đỡ để phát triển các tập thể sinh viên”.

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

### 2.1 Tổng quan về Trường Đại học Trà Vinh

Trường Đại học Trà Vinh được thành lập theo quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Trụ sở chính: 126, quốc lộ 53, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: **074.3855246** - Website: [www.tvu.edu.vn](http://www.tvu.edu.vn)

Trường Đại học Trà Vinh, tiền thân là Trường Cao đẳng Cộng đồng Trà Vinh, được thành lập vào năm 2001 trên cơ sở triển khai Dự án Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam – Canada do Cơ quan Phát triển Quốc tế của Canada (CIDA), hiệp hội Cao đẳng Cộng đồng của Canada (ACCC), một số viện trường của Canada như Viện Khoa học và Kỹ thuật Ứng dụng tỉnh Saskatchewan (SIAST), viện hàng hải (MI), Viện Kỹ thuật Nông nghiệp tỉnh Quebec (ITA) và Trường Đại học – Cao đẳng Malaspina (MUC) và Chính phủ Việt Nam đồng tài trợ về tài chính và kỹ thuật.

Trường Cao đẳng Cộng đồng Trà Vinh là trường cao đẳng đầu tiên đạt ISO 9001:2008 và hiện nay cũng đang ứng dụng tiêu chuẩn này khi phát triển thành Trường Đại học Trà Vinh.

Trường Đại học Trà Vinh hiện có 03 khu đặt tại nội ô thành phố Trà Vinh, cơ sở chính là Khu I. Trường có 07 khoa và 01 Bộ môn đào tạo chuyên ngành, 10 Phòng chức năng, 08 Trung tâm, 01 học viện, 01 viện, 01 ban và 1 thư viện. Ngoài ra, Trường Đại học Trà Vinh còn có 04 chi nhánh và 01 trại thủy sản nước mặn ở các huyện trong tỉnh.

Phương châm hoạt động của Trường: ***“Mang đến cơ hội học tập chất lượng cho cộng đồng”***.

Hiện nay, Trường Đại học Trà Vinh được phép đào tạo 19 ngành bậc Đại học, 18 ngành bậc Cao đẳng và 15 ngành thuộc hệ Trung cấp Chuyên nghiệp và với các hệ đào tạo: chính quy, liên thông, vừa học vừa làm, trực tuyến và từ xa. Tổng số sinh viên hiện nay của Trường gồm hơn 20.000 sinh viên. Hàng năm có khoảng 70% sinh viên ra trường có việc làm (tính từ năm 2001 – 2006, theo thống kê từ Phòng Đào tạo – tháng 3/2011).

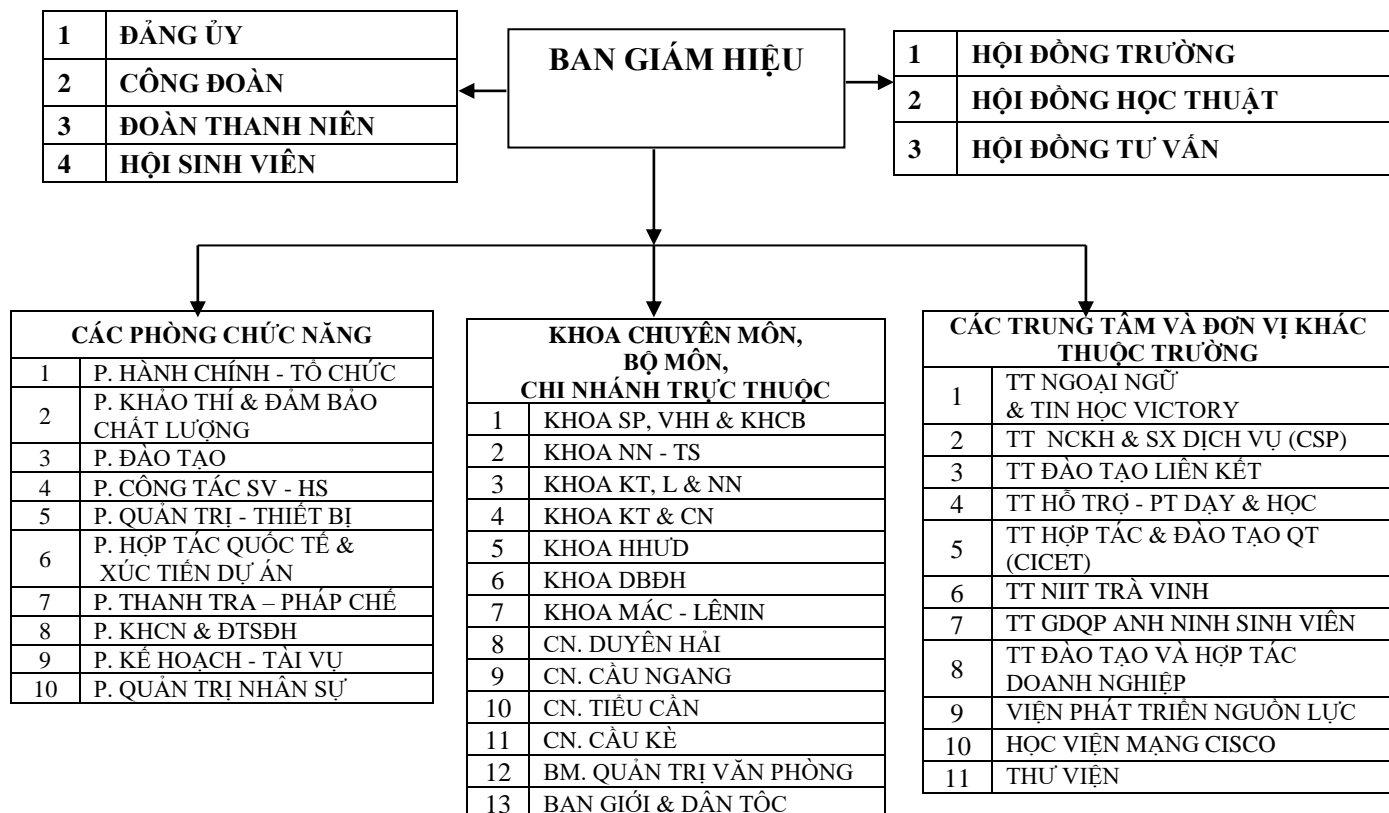
Trường Đại học Trà Vinh có đội ngũ cán bộ trẻ tuổi (trên 80% cán bộ có tuổi đời dưới 30). Cơ bản tính đến nay, Trường Đại học Trà Vinh có tổng số 508 các bộ giảng viên. Trong đó có:

- Tiến sĩ: 01
- Nghiên cứu sinh: 14
- Trình độ thạc sĩ : 75
- Cao học: 58

- Đại học: 216
- Cao đẳng: 95
- Cán bộ chuyên trách khác: 49

(theo Phòng Quản trị nhân sự. Ngày 27/4/2011)

**Về cơ cấu tổ chức:**



**Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường Đại học Trà Vinh**

## 2.2. Kết quả nghiên cứu mối quan hệ giữa phương pháp học tập với kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh

### \* Kết quả khảo sát sinh viên

Tổng số phiếu phát ra là 230 phiếu gồm các lớp: DA07QKA, DA07QKDC, DA07QKDD, DA07KTB, DA07KTA, DA07HH, DA08KTB, DA08QKDB, CA08QKD, CA08KT, DA07HH, CA08PTNT. Số phiếu thu lại là 208 phiếu. Có 149 phiếu đạt yêu cầu về nội dung thông tin.

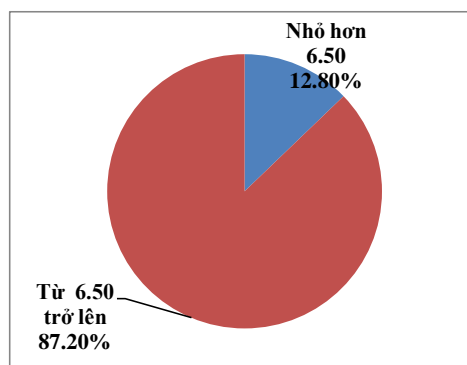
Dựa trên 149 phiếu khảo sát đạt yêu cầu, nhóm khảo sát tiến hành thống kê và kiểm định xem xét mối quan hệ của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

### 2.2.1 Thống kê các yếu tố chính

#### Kết quả 1: Kết quả khảo sát học lực của nhóm sinh viên

Kết quả cho thấy tỉ lệ sinh viên đạt loại khá ( $\geq 6.51$ ) trở lên chiếm 87%.

Tỉ lệ sinh viên đạt học lực loại trung bình trở xuống chiếm 13%.

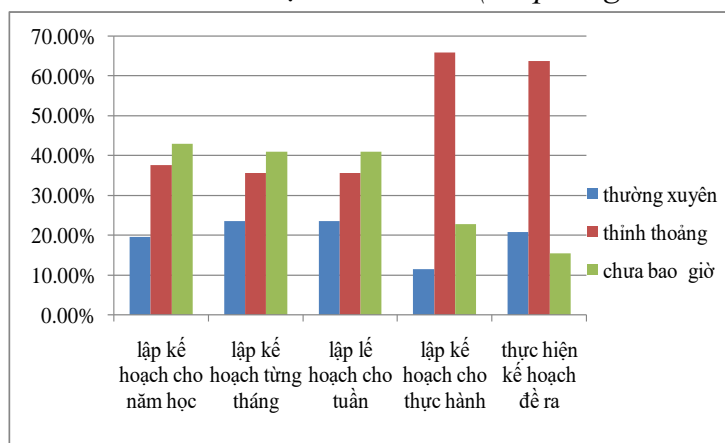


#### Kết quả 2: Việc sinh viên lập kế hoạch tự học

- Sinh viên không thực sự quan tâm đến việc lập kế hoạch cụ thể cho việc học.

- Chỉ có khoảng 20% sinh viên có lập kế hoạch thường xuyên, trong đó có 84.6% sinh viên thực hiện kế hoạch, và chỉ có 20% sinh viên thực hiện thường xuyên kế hoạch đề ra.

Hình 2. Sơ đồ biểu diễn học lực của sinh viên - Học kì I năm học 2009-2010 (TL phỏng khảo thí)



Hình 3. Biểu đồ biểu diễn việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch của sinh viên trong quá trình tự học



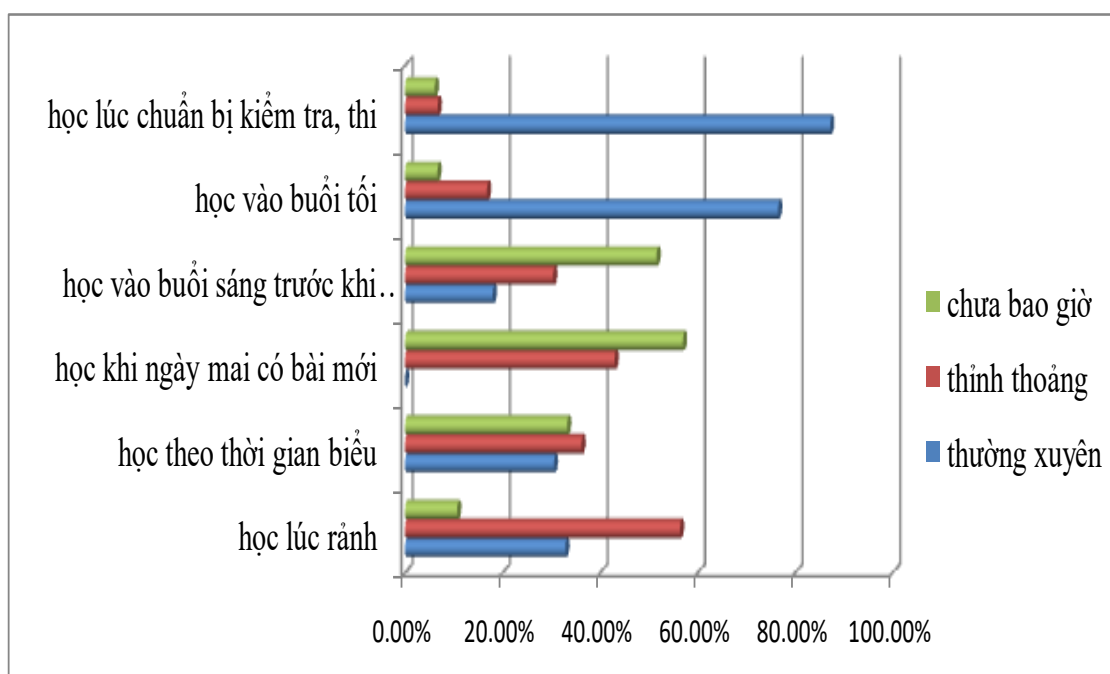
### Kết quả 3: Cách thức tự học

**Bảng 1. Thống kê cách thức tự học của sinh viên**

Cách thức tự học	Mức độ		
	<i>Thường xuyên</i>	<i>Thỉnh thoảng</i>	<i>Chưa bao giờ</i>
Nghe giảng và ghi chép	61.70%	27.50%	10.70%
Học thuộc lòng TL ghi chép	20.80%	60.40%	18.80%
Học ý chính TL ghi chép	55.70%	33.60%	10.70%
Nghiên cứu trước TL	36.90%	49.00%	14.10%
Nghiên cứu TL sau buổi học	46.90%	43.00%	10.10%
Tự lập đề cương-dàn ý bài học	51.70%	34.20%	14.10%
Học – thảo luận nhóm	32.90%	61.70%	5.40%
Trao đổi với bạn & Gv	29.50%	32.20%	38.30%
Vận dụng lý thuyết cho bài tập & thực hành	32.90%	62.40%	4.70%

- Qua thống kê cho ta thấy hiện nay hầu hết sinh viên vẫn học theo phương pháp truyền thống: nghe giảng và ghi chép là chính (61.70%). Trong đó các bạn vẫn còn quen thuộc với cách học cũ ở phổ thông vẫn học thuộc lòng bài ghi chép (81.20 do vậy kết quả học tập thường không đạt cao so với các bạn có cách học linh hoạt hơn những là biết thường xuyên trao đổi bài học với bạn và giảng viên (29.50%).
- Và các bạn sinh viên thường xuyên vận dụng lý thuyết đã học vào bài tập và thực hành (32.90%) thì học lực thường đạt loại khá trở lên so với các bạn thỉnh thoảng mới áp dụng lý thuyết vào bài học và thực hành (62.40%) hay chưa từng áp dụng lý thuyết (4.7%) cho hoạt động trên.

### Kết quả 4: Thời gian tự học của sinh viên



**Hình 4. Thời gian tự học của sinh viên**

Biểu đồ cho thấy:

- Có 32.90% sinh viên tranh thủ thời gian lúc rảnh rồi để học bài, còn lại hơn 67% sinh viên chỉ thỉnh thoảng học bài vào thời gian rảnh hoặc chưa từng dành thời gian cho việc học bài.
- Có đến 87.20% sinh viên chỉ học khi chuẩn bị thi hoặc kiểm tra.
- 30.54% sinh viên học theo lịch sắp của thời gian biểu đặt ra.
- 76.53% sinh viên thường xuyên học bài vào buổi tối, 18% sinh viên thường xuyên học vào buổi sáng sớm trước khi đến lớp.

### 2.2.2 Thống kê mối liên hệ giữa kết quả học tập và một số yếu tố khác

**Kết quả 5: Thống kê kết hợp giữa kết quả học tập và việc thực hiện kế hoạch học tập đã đề ra**

**Bảng 2. Bảng thống kê kết hợp giữa học lực và việc thực hiện kế hoạch học tập**

		Học lực	
		<i>XL khá trở lên(sv)</i>	<i>XL trung bình trở xuống</i>
<b>Thực hiện kế hoạch học tập</b>	<i>Thường xuyên</i>	31	0
	<i>Thỉnh thoảng</i>	93	2
	<i>Chưa bao giờ</i>	6	17

- Những sinh viên thực hiện thường xuyên kế hoạch học tập của mình đề ra thì học lực đều đạt loại khá trở lên (100%) và không có sinh viên đạt loại trung bình trở xuống.
- Những sinh viên chỉ thỉnh thoảng thực hiện kế hoạch học tập đã đề ra thì có 97.89% đạt loại khá trở lên, có 2.11% đạt loại trung bình trở xuống.
- Những sinh viên chưa thực hiện kế hoạch học tập đề ra có 26.10% đạt học lực loại khá trở lên và 73.9% sinh viên đạt học lực loại trung bình trở xuống.

**Kết quả 6: Kết hợp thống kê giữa học lực và cách thức tự học bài**

**Bảng 3. Thống kê kết hợp 3 biến: học lực, thảo luận nhóm và trao đổi bài học với bạn và giáo viên**

<i>Mức độ</i>		<i>Mức độ</i>		<b>Học lực</b>	
				<i>XL.TB trở xuống</i>	<i>XL Khá trở lên</i>
<b>Thảo luận nhóm</b>	<i>Thường xuyên</i>	<b>Trao đổi bài học với bạn &amp; Gv</b>	<i>Thường xuyên</i>	29,53%	0%
			<i>Thỉnh thoảng</i>	3,36%	0%
			<i>Chưa bao giờ</i>	0%	0%
	<i>Thỉnh thoảng</i>	<b>Trao đổi bài học với bạn &amp; Gv</b>	<i>Thường xuyên</i>	28.68%	0%
			<i>Thỉnh thoảng</i>	25,50%	0%
			<i>Chưa bao giờ</i>	0%	7,38%
	<i>Chưa bao giờ</i>	<b>Trao đổi bài học với bạn &amp; Gv</b>	<i>Thường xuyên</i>	0%	0%
			<i>Thỉnh thoảng</i>	0%	0%
			<i>Chưa bao giờ</i>	0%	5,37%

- Có 29,53% sinh viên thường xuyên học bằng cách thảo luận nhóm và trao đổi bài học với bạn và giảng viên đều đạt học lực loại khá trở lên.
- Có 3,36% sinh viên học bằng cách thảo luận nhóm và có trao đổi bài học với bạn và giảng viên đều đạt học lực loại khá trở lên.
- Nhóm sinh viên (7,38%; 5,37%) chỉ thỉnh thoảng hoặc chưa bao giờ học theo phương pháp thảo luận nhóm và chưa bao giờ trao đổi bài với bạn hoặc giảng viên. Những sinh viên này đều đạt học lực trung bình trở xuống.

Qua thống kê cho ta thấy việc áp dụng các phương pháp tự học có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập của các bạn sinh viên. Việc học tập có kế hoạch và thực hiện nó một cách thường xuyên thường mang lại cho các bạn sinh viên kết quả học tập tốt hơn, tuy nhiên chúng ta cần kết hợp nhiều yếu tố tự học như: áp dụng thời gian cụ thể, có điều kiện học tập thuận lợi và sự giúp đỡ cũng như chia sẻ và trao đổi kiến thức với bạn bè và giảng viên. Để thấy rõ xem có mối quan hệ giữa các phương pháp học tập (tự học) hay không chúng ta nên đi vào kiểm định bằng phương pháp kiểm định Chi - Square Stest – hay còn gọi là Chi – bình phương.

### 2.2.3 Kiểm định mối liên hệ giữa kết quả học tập và các yếu tố khác

Trong SPSS, kiểm định bằng phương pháp kiểm định Chi - Square Stest – hay còn gọi là Chi – Bình phương là việc xem xét hai yếu tố ngẫu nhiên xem chúng có liên quan, phụ thuộc lẫn nhau hay không.

Ta có: giá trị P-value được gọi là Sig (Observed significance level): có nghĩa là mức quan sát.

Kiểm định này được chọn khi độ tin cậy của kiểm định  $\geq 95\%$ , nghĩa là  $\alpha=5\%$ . Và tương ứng mức quan sát P – value (Sig)  $< 0.05$ . Khi đó ta có thể nói các yếu tố kiểm định có mối liên quan với nhau. Ngược lại, khi giá trị kiểm định  $< 95\%$  thì xác suất xảy ra sự sai lệch quá 5% nên ta có thể kết luận các yếu tố được kiểm định không có mối liên quan với nhau hay phụ thuộc nhau.

- **Likelihood Ratio**: tỉ số khả năng, thống kê tương tự Chi - Square Stest với những cỡ mẫu lớn, kết quả của 2 số thống kê này rất gần nhau.
- **Linear-by-Linear Association**: mối liên hệ tuyến tính giữa 2 biến (trường hợp này xảy ra khi biến hàng và cột được sắp xếp trật tự từ nhỏ nhất đến lớn nhất, nếu không bỏ qua nó).
- **N of Valid Cases**: tổng số mẫu (giá trị) hợp lệ.

**Kết quả 7: Kiểm định mối quan hệ giữa kết quả học tập (học lực) và việc sinh viên thực hiện kế hoạch học tập đã đề ra**

Giả thuyết

- Gọi: -  $H_0$  : hai biến học lực và việc thực hiện kế hoạch học tập độc lập với nhau  
 -  $H_1$ : hai biến học lực và việc thực hiện kế hoạch học tập có mối liên quan với nhau.

**Bảng 4. Kiểm định Chi-Square Stest**

	Value	Df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	91.541 <sup>a</sup>	2	.000
Likelihood Ratio	67.925	2	.000
Linear-by-Linear Association	54.118	1	.000

**Bảng 4. Kiểm định Chi-Square Stest**

	Value	Df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	91.541 <sup>a</sup>	2	.000
Likelihood Ratio	67.925	2	.000
Linear-by-Linear Association	54.118	1	.000
N of Valid Cases	149		

Qua kiểm định trên ta có sig.  $\approx 000$ . Ta nói rằng giả thuyết có thể bị bác bỏ  $H_0$  độ tin cậy  $\approx 100\%$ . Ta kết luận: việc thực hiện kế hoạch đề ra có ảnh hưởng đến kết quả học tập.

**Kết quả 8: Kiểm định mối quan hệ giữa kết quả học tập và cách thức tự học**

Giả thuyết

Gọi: -  $H_0$  : hai biến học lực và cách thức tự học độc lập với nhau

-  $H_1$ : hai biến học lực và cách thức học tập có mối liên quan với nhau

Ta có kết quả kiểm định như sau:

**Bảng 5. Bảng kết quả kiểm định chi bình phương giữa hai biến học lực và cách tự học của sinh viên**

Cách thức tự học	Kiểm định Chi – quare Stest	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Ghi chép và nghe giảng	Pearson Chi-Square	76.014 <sup>a</sup>	2	.000
Học thuộc lòng bài	Pearson Chi – Square	35.982 <sup>a</sup>	2	.000
Học các ý chính của bài	Pearson Chi – Square	57.702 <sup>a</sup>	2	.000
Nghiên cứu trước tài liệu	Pearson Chi – Square	65.192 <sup>a</sup>	2	.000
Nghiên cứu TL sau khi học	Pearson Chi – Square	84.547 <sup>a</sup>	2	.000
Tự lập đề cương – dàn ý bài học	Pearson Chi – Square	117.075 <sup>a</sup>	2	.000
Thảo luận nhóm	Pearson Chi – Square	61.951 <sup>a</sup>	2	.000
Trao đổi bài với bạn và giảng viên	Pearson Chi – Square	35.149 <sup>a</sup>	2	.000
Vận dụng lý thuyết trong thực hành	Pearson Chi – Square	55.058 <sup>a</sup>	2	.000

Ta thấy tất cả các yếu tố kiểm định đều có sig.  $\approx 0.000$  ta có thể bác bỏ giải thuyết  $H_0$  với độ tin cậy của kiểm định  $\approx 100\%$ .

Kết luận: Cách thức tự học có liên quan đến kết quả học tập của sinh viên (học lực).

### **Kết quả 9: Kiểm định mối quan hệ giữa học lực và thời gian tự học của sinh viên**

Giả thuyết

Gọi: -  $H_0$  : hai biến học lực và thời gian tự học độc lập với nhau

-  $H_1$ : hai biến học lực và thời gian tự học có mối liên quan với nhau

**Bảng 6. Kiểm định mối quan hệ giữa học lực và không gian tự học**

Thời gian tự học	Kiểm định Chi – square stest	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Học vào lúc rảnh rỗi	Pearson Chi-Square	122.98 <sup>a</sup>	2	.000
Học vào buổi tối	Pearson Chi – Square	103.782 <sup>a</sup>	2	.000

Ta có :

- Sig (học vào lúc rảnh rỗi)  $\approx 0.000$  ta có thể bác bỏ giải thuyết  $H_0$  với độ tin cậy của kiểm định  $\approx 100\%$ .
- Sig (học vào buổi tối)  $\approx 0.000$  ta có thể bác bỏ giải thuyết  $H_0$  với độ tin cậy của kiểm định  $\approx 100\%$ .

Kết luận: Thời gian tự học có liên quan đến kết quả học tập của sinh viên

Thông qua một số biện pháp thống kê và kiểm định các phương pháp học tập (tự học) ta biết được yếu tố phương pháp học tập có ảnh hưởng đến kết quả học tập của các bạn sinh viên. Trong đó có những yếu tố cơ bản sau:

- Việc lập kế hoạch tự học cho từng thời điểm học tập và thực hiện các kế hoạch đề ra.
- Các phương pháp tự học: tiếp thu bài, nghiên cứu bài học, vận dụng bài học...
- Không gian, dụng cụ hỗ trợ việc học,...

### **2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên**

Qua quá trình thống kê và kiểm định ta kiểm tra được các yếu tố sau đây ảnh hưởng đến kết quả học tập:

- Việc lập kế hoạch học tập cho từng năm, từng tháng, tuần và việc thực hiện những kế hoạch này có ảnh hưởng đến kết quả học tập của các bạn sinh viên.

- Cách thức tự học cũng ảnh hưởng đến kết quả tự học của các bạn sinh viên như:
  - Sinh viên thường xuyên nghe giảng, ghi chép nội dung bài giảng và có nghiên cứu tài liệu môn học thì kết quả học tập cao hơn so với các bạn sinh viên ít quan tâm đến bài học và nghiên cứu tài liệu hơn.
  - Những sinh viên tham gia học nhóm và thường xuyên trao đổi những thắc mắc với bạn bè và giảng viên thì có học lực từ khá trở lên so với các bạn sinh viên ít trao đổi nhóm với bạn bè hay giáo viên, chỉ đạt học lực trung bình trở xuống.
- Thời gian tự học có ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên:
  - Những bạn sinh viên có mức độ học tập vào những lúc rảnh rỗi, thường xuyên học vào buổi tối và buổi sáng thì kết quả học tập luôn cao hơn những sinh viên chỉ học khi có bài mới hoặc học khi sắp có kiểm tra hoặc thi.
  - Sinh viên thực hiện học tập và thực hiện theo thời gian biểu một cách thường xuyên thì có kết quả học tập cao hơn so với các bạn sinh viên ít thực hiện hoặc chưa bao giờ thực hiện.
- Ngoài những yếu tố trên thì không gian học tập cũng ảnh hưởng cũng như hưởng đến kết quả học tập. Những sinh viên thường xuyên học bài ở trên lớp và ở thư viện thì kết quả học tập tốt hơn so với những sinh viên ít học ở lớp và ở thư viện.

## **CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NANG CAO KẾT QUẢ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH**

### **3.1 Định hướng đề xuất giải pháp tự học cho sinh viên**

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy cần xây dựng những biện pháp để hỗ trợ và giúp cho sinh viên có thể tự học để đạt được kết quả học tập tốt hơn. Việc định hướng các giải pháp đòi hỏi sự hợp lý về nhu cầu học tập cho sinh viên cũng như nhu cầu về thực tiễn nhằm mang lại kết quả học tập tốt hơn.

Định hướng đề xuất biện pháp tự học cho sinh viên Trường Đại học Trà Vinh dựa trên những cơ sở sau đây:

- Thông qua kết quả thu thập và sử lý số liệu về những ảnh hưởng của phương pháp học tập (tự học) đến kết quả học tập của sinh viên.
- Thông qua việc trung cầu ý kiến của giảng viên về những đề xuất giúp cho sinh viên có thể tự học và đạt kết quả học tập tốt hơn.

Thông qua việc khảo sát ý kiến sinh viên về các giải pháp tự học cho sinh viên nhằm giúp kết quả học tập tốt hơn.

### **3.2 Các biện pháp giúp sinh viên tự học đạt tốt**

#### **3.2.1 Biện pháp 1: Tổ chức chuyên đề phương pháp tự học trong môi trường đại học cho sinh viên năm nhất**

##### **\* Mục đích, ý nghĩa của biện pháp**

Nhằm mục đích giúp cho sinh viên năm nhất có thể nắm bắt được phương pháp học tập (tự học) trong môi trường học đại học và từ đó áp dụng một cách có hiệu quả vào trong quá trình học tập.

Đưa ra những phương pháp tự học hiệu quả, cách học trong môi trường đại học, qua đó tư vấn cho sinh viên chọn lựa phương pháp phù hợp cho quá trình học tập của mình.

##### **\* Nội dung của biện pháp**

Tổ chức chuyên đề phương pháp tự học cho sinh viên năm nhất tham gia học tập tại trường đại học.

##### **\* Cách thức tiến hành**

Sắp lịch giảng dạy chuyên đề phương pháp tự học cho sinh viên khóa mới.

Mời những diễn giả có trình độ, uy tín giảng dạy tạo sự thu hút sinh viên.

Tổ chức các cuộc giao lưu trao đổi với các bạn sinh viên năm 2, 3, 4 có kinh nghiệm học tập bằng phương pháp tự học và đạt kết quả cao trong học tập.

##### **\* Tổ chức thực hiện**

- Mỗi năm học, vào học kỳ đầu Nhà trường tổ chức giảng dạy chuyên đề phương pháp tự học cho sinh viên mới.



- Mỗi khoa nên có một phương pháp tự học riêng để giảng dạy chuyên đề cho sinh viên khoa mình.
- Sinh viên tham gia học tập chuyên đề phương pháp tự học được xem như một môn học bắt buộc và vẫn tổ chức kiểm tra và thi bằng một đề tài cụ thể nhằm đánh giá tổng quan về cách thực hiện, hiểu biết cũng như những thiếu sót của sinh viên.
- Sau khi tổ chức kiểm tra, thi, Nhà trường nên thông báo kết quả cho sinh viên. Qua đó, khen thưởng cho những sinh viên đạt kết quả cao, đánh giá và điều chỉnh những bài thi thực sự chưa đạt để sinh viên kịp thời điều chỉnh và áp dụng một cách có hiệu quả cho suốt quá trình học tập ở trường.

### **3.2.2 Biện pháp 2: Tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình áp dụng phương pháp tự học của sinh trong suốt quá trình học**

#### **\* Mục đích, ý nghĩa**

- Nhằm kịp thời điều chỉnh phương pháp tự học giúp cho sinh viên học tập tốt và đạt kết quả cao.
- Đánh giá được việc áp dụng phương pháp tự học của sinh viên vào trong học tập.

#### **\* Nội dung của biện pháp**

Thường xuyên đánh giá, kiểm tra kết quả sinh viên thực hiện phương pháp tự học thông qua kết quả học tập của các môn học.

#### **\* Cách thức tiến hành**

- Đánh giá kết quả tự học của sinh viên thông qua kết quả học tập của môn học.
- Giảng viên giảng dạy sẽ là người lập bảng báo cáo cũng như đánh giá việc tự học của sinh viên thông qua môn học mà giảng viên đó chịu trách nhiệm giảng dạy.

#### **\* Tổ chức thực hiện**

- Giảng viên lập kế hoạch hướng dẫn, giảng dạy, đánh giá kết quả tự học của sinh viên thông qua môn học.
- Việc đánh giá kết quả tự học của sinh viên thông qua môn học phải phù hợp với kết quả học lực do sinh viên đạt được.
- Kết thúc môn học, giảng viên đưa ra nhận xét đánh giá nhằm đóng góp cho sinh viên những ưu điểm cần phát huy, những khuyết điểm cần khắc phục trong việc tự học để sinh viên có thể học và đạt kết quả học tập tốt hơn ở những môn tiếp theo.
- Nhà trường thường xuyên tổ chức quản lý chất lượng việc đánh giá kết quả tự học thông qua báo cáo của giảng viên giảng dạy theo quý, theo

năm. Qua đó, cần có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp nếu có sự sai lệch.

### **3.2.3 Biện pháp 3: Tổ chức giao lưu và lồng ghép với các cuộc thi phát huy tinh thần tự học của sinh viên, giới thiệu những tấm gương tự học tiêu biểu**

#### **\* Mục đích, ý nghĩa**

- Khuyến khích tinh thần tự học của sinh viên.
- Tạo sân chơi lành mạnh nhằm giúp sinh viên học hỏi và trao đổi phương pháp tự học với nhau.
- Trao đổi sản phẩm trong học tập: cách học, các bài tập, chuyên đề, báo cáo...

#### **\* Nội dung của biện pháp**

- Tổ chức các cuộc giao lưu sinh viên định kỳ nhằm tuyên dương những tấm gương tiêu học giỏi trong phong trào tự học, tự nghiên cứu.
- Tổ chức cuộc thi về hoạt động tự học, tự nghiên cứu trong sinh viên.

#### **\* Cách thức tiến hành**

- Tổ chức thi các cuộc thi các đề tài tự học theo cấp bộ môn, cấp khoa rồi sau đó tuyển chọn những sinh viên tiêu biểu của các khoa tham dự thi cấp trường.
- Sau khi thi xong cấp trường sẽ tổ chức phát giải, lồng ghép tọa đàm, giao lưu với các bạn đoạt giải nhằm trao đổi học hỏi kinh nghiệm tự học lẫn nhau.

#### **\* Tổ chức thực hiện**

- Mỗi bộ môn, mỗi khoa lập kế hoạch tổ chức cho sinh viên thi theo hình thức nộp bài và thuyết trình để chọn lọc sinh viên có kết quả thi đạt tốt nhất dự thi cấp trường.
- Nhà trường tổ chức thi cho các bạn đạt giải cấp khoa và sau đó tổ chức giao lưu, tọa đàm cho các bạn đoạt giải cấp trường với sinh viên toàn trường.

### **3.2.4 Biện pháp 4: Thay đổi phương pháp học truyền thống – áp dụng học đi đôi với hành**

#### **\* Mục đích, ý nghĩa**

- Nhằm thay đổi thói quen học tập phổ thông của sinh viên, giúp sinh viên quen với cách học mới ở môi trường đại học.
- Giúp sinh viên nắm vững lý thuyết, làm quen thực tế, mở rộng kiến thức môn học.

### \* Nội dung của biện pháp

- Sinh viên tiếp nhận cách học mới: học để hiểu và học để làm.
- Vừa học lý thuyết vừa thực hành để kiểm nghiệm lý thuyết.

### \* Cách thức tiến hành - tổ chức thực hiện

- Thường xuyên tham khảo tài liệu, giáo trình môn học trước – trong – sau khi học bằng các phương tiện: phòng sách, thư viện, Internet...
- Tiếp thu và trao đổi ý kiến, thắc mắc với bạn bè, thầy (cô) cùng nhau giải quyết vấn đề trong buổi học trên lớp, học nhóm...
- Nắm vững lý thuyết, áp lý thuyết thường xuyên vào bài tập, tình huống, thí nghiệm, trong các buổi học, thực tập, các buổi thí nghiệm.

## 3.2.5 Biện pháp 5: Nâng cao các kỹ năng mềm ứng dụng vào học tập tự học

### \* Mục đích, ý nghĩa

- Cải thiện, nâng cao các kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ cho việc học tập
- Nâng cao kết quả học tập – tự học của sinh viên.

### \* Nội dung của biện pháp

- Tập huấn, hỗ trợ cho sinh viên các kỹ năng mềm.
- Hướng dẫn cách vận dụng các kỹ năng mềm trong việc học tập và nghiên cứu.

### \* Cách thức tiến hành- tổ chức thực hiện

- Mở các lớp tập huấn, trao đổi, nâng cao các kỹ năng mềm cho sinh viên.
- Tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề tận dụng các kỹ năng mềm vào trong học tập – tự học như:
  - Ứng dụng kỹ năng tin học, lướt web, tra cứu thông tin trong việc tìm tài liệu, tham khảo tài liệu từ trên mạng hỗ trợ cho việc học. Soạn thảo tài liệu, báo cáo, chuyên đề, đề tài, luận văn.
  - Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong việc thuyết trình môn học, chuyên đề, giao tiếp, cách lắng nghe, cách phát biểu, cách làm việc nhóm...
  - Ứng dụng kỹ năng Anh văn trong việc giao tiếp chuyên ngành, tra cứu các thông tin, tài liệu nước ngoài.
  - Ứng dụng kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình học nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm.

### 3.3 Kiểm tra tính khả thi của các biện pháp giúp sinh viên tự học tốt hơn

Để đánh giá được tính thiết thực cũng như khả năng thực thi của các biện pháp trên, nhóm nghiên cứu đề xuất khảo sát kiểm định tính khả thi với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu khảo sát phát ra cho giảng viên 30 phiếu, thu về 30 phiếu đều hợp lệ.
- Tổng số phiếu khảo sát phát ra cho sinh viên là 230 phiếu, thu về 168 phiếu đều hợp lệ.
- **Kết quả thăm dò ý kiến giảng viên về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp hỗ trợ sinh viên học tập – tự học tốt hơn:**

**Bảng 7. Kết quả khảo sát ý kiến giảng viên về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp giúp sinh viên tự học tốt hơn**

T T	Các biện pháp	Tính cấp thiết				Tính khả thi			
		Cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết	Thứ bậc	Khả thi	Ít khả thi	Không khả thi	Thứ bậc
1	Tổ chức chuyên đề phương pháp tự học trong môi trường đại học cho sinh viên năm nhất	63.33 %	26.67 %	10.00 %	<b>4</b>	83.33 %	13.33 %	3.34 %	<b>4</b>
2	Tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình áp dụng phương pháp tự học của sinh viên suốt quá trình học	60.00 %	33.33 %	6.67 %	<b>5</b>	73.33 %	20.00 %	6.67 %	<b>5</b>
3	Tổ chức giao lưu và lồng ghép với các cuộc thi phát huy tinh thần tự học của sinh viên, giới thiệu những tấm gương tự học tiêu biểu	90.00 %	10.00 %	0.00 %	<b>2</b>	96.67 %	3.33 %	0.00 %	<b>1</b>
4	Thay đổi phương pháp học truyền thống – áp dụng học đi đôi với hành	86,67 %	10.00 %	3.33 %	<b>3</b>	86.66 %	10.00 %	3.34 %	<b>3</b>
5	Nâng cao các kỹ năng mềm ứng dụng vào học tập - tự học	93.33 %	6.67 %	0.00 %	<b>1</b>	86.67 %	10.00 %	3.33 %	<b>2</b>

- Kết quả thăm dò ý kiến của giảng viên về tính khả thi và tính cấp thiết của các biện pháp hỗ trợ sinh viên tự học như sau:
  - Có 63.33% giảng viên cho rằng biện pháp 1 là cần thiết và 83.33% giảng viên cho rằng biện pháp này có tính khả thi.
  - Có 60.00% giảng viên được hỏi cho rằng biện pháp 2 là cần thiết và 73.33% giảng viên cho biết biện pháp này có tính khả thi.
  - Có 90.00% giảng viên đồng ý kiến với biện pháp pháp 3 là nó có tính cần thiết và có 96.67% giảng viên có ý kiến là biện pháp này có tính khả thi.
  - 87% giảng viên được khảo sát cho biết cần thiết thay đổi phương pháp học truyền thống – áp dụng học đi đôi với hành, có 85% cho rằng biện pháp này có thể thực hiện được.
  - 94% giảng viên cho biết cần thiết nâng cao các kỹ năng mềm ứng dụng vào học tập tự học cho sinh viên và 86.67% đồng ý là biện pháp này khả thi.

Vậy qua bảng thăm dò ý kiến về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp hỗ trợ phương pháp tự học cho sinh viên, phần lớn giảng viên cho rằng các biện pháp trên có tính khả thi và cấp thiết, cần thiết và có thể thực hiện được. Trong đó biện pháp 3 là có tính khả thi cao nhất, kế đến là biện pháp 5 và biện pháp 4.

- **Kết quả thăm dò ý sinh viên về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp hỗ trợ sinh viên học tập – tự học tốt hơn**

**Bảng 8. Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp giúp sinh viên tự học tốt hơn**

TT	Các biện pháp	Tính cấp thiết				Tính khả thi			
		Cần thiết	Ít cần thiết	không cần thiết	Thứ bậc	Khả thi	Ít khả thi	Không khả thi	Thứ bậc
1	Tổ chức chuyên đề phương pháp tự học trong môi trường đại học cho sinh viên năm nhất	69.64 %	18.45 %	11.91 %	<b>4</b>	71.42 %	16.67 %	11.91 %	<b>4</b>
2	Tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình áp dụng phương pháp tự học của sinh trong suốt quá trình học	58.33 %	23.81 %	17.56 %	<b>5</b>	60.12 %	28.57 %	11.31 %	<b>5</b>
3	Tổ chức giao lưu và lồng ghép với các cuộc thi phát huy tinh thần tự học của sinh viên, giới thiệu những tấm gương tự học tiêu biểu	80.95 %	16.08 %	2.97 %	<b>1</b>	83.33 %	8.93 %	7.14 %	<b>1</b>
4	Thay đổi phương pháp học truyền thống – áp dụng học đi đôi với hành	72.62 %	20.24 %	7.14 %	<b>3</b>	73.81 %	18.45 %	7.74% %	<b>3</b>
5	Nâng cao các kỹ năng mềm ứng dụng vào học tập tự học	80.36 %	8.33% %	11.31 %%	<b>2</b>	78.57 %	9.52% %	11.91 %	<b>2</b>

**Kết quả thăm dò ý kiến sinh viên về các biện pháp hỗ trợ cho việc tự học của sinh viên như sau:**

- 64.69% sinh viên cho biết biện pháp 1 là cần thiết áp dụng trong việc hỗ trợ cho sinh viên tự học và 71.42% sinh viên cho rằng biện pháp này mang tính khả thi và có thể tiến hành áp dụng.
- 58.33% sinh viên được hỏi cho rằng biện pháp 2 cần thiết áp dụng và có 60.12% sinh viên cho rằng biện pháp này có tính khả thi.

- 89.5% sinh viên có ý kiến rằng biện pháp 3 là cần thiết áp dụng hiện nay và có 83.33% sinh viên đồng ý là biện pháp 3 có tính khả thi và có thể tiến hành áp dụng.
- 72.6% sinh viên được khảo sát cho biết giải pháp thay đổi phương pháp học truyền thống – áp dụng học đi đôi với hành là cần thiết áp dụng và 73.8% đồng ý cho rằng giải pháp này có tính khả thi nếu áp dụng.
- 80.3% sinh viên chọn giải pháp nâng cao các kỹ năng mềm ứng dụng vào học tập tự học là cần thiết áp dụng; 78.5% sinh viên cho rằng giải pháp này có tính khả thi trong việc ứng dụng hỗ trợ học tập cho sinh viên.

Vậy qua việc tham khảo ý kiến của sinh viên cũng cho ta biết 5 biện pháp trên là có tính cần thiết và có thể áp dụng được để hỗ trợ cho việc học của sinh viên hiện nay.

Trong đó biện pháp **“nâng cao các kỹ năng mềm ứng dụng vào học tập tự học”** được nhiều giảng viên đồng tình nhất còn đối với các bạn sinh viên thì giải pháp **“tổ chức giao lưu và lồng ghép với các cuộc thi phát huy tinh thần tự học của sinh viên, giới thiệu những tấm gương tự học tiêu biểu”** được chọn nhiều nhất.

## PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### KẾT LUẬN

- Phương pháp tự học có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học, nhất là đối với sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.
- Phương pháp học tập (tự học) của sinh viên đòi hỏi cần có sự kết hợp nhiều yếu tố cấu thành và áp dụng chúng vào trong học tập một cách linh hoạt và có kế hoạch cụ thể.
- Trong kết quả nghiên cứu trên cho thấy phương pháp tự học có yếu tố hợp thành, nhưng cơ bản được hệ thống với 5 nội dung chính có ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên:
  - Xây dựng kế hoạch tự học: trong suốt quá trình tham gia học tập, nghiên cứu tại trường đòi hỏi mỗi sinh viên cần tự xây dựng cho mình kế hoạch học tập cụ thể, từ đó có phương pháp áp dụng phù hợp. Kế hoạch tự học phải phù hợp với ngành học, môn học và có sự kiểm soát về thời gian phù hợp như kế hoạch theo tháng, theo quý, theo năm. Kế hoạch học tập càng cụ thể sẽ càng dễ thực hiện. Sau mỗi giai đoạn của kế hoạch, sinh viên cần tự đánh giá lại xem có đạt được kết quả mong muốn hay chưa. Từ đó, có những điều chỉnh hợp lý hơn.
  - Phương pháp – cách thức áp dụng để thực hiện kế hoạch tự học: để đạt được kết quả tốt trong học tập, sinh viên cần phải có được phương pháp học tập phù hợp. Mô hình học tập được đánh giá cao và được áp dụng phổ biến hiện nay chính là học theo phương pháp dạy học nêu vấn đề. Để học tốt phương pháp này đòi hỏi sinh viên phải nghiên cứu tài liệu trước khi học – trong khi học - sau khi học để nắm bắt vấn đề một cách xuyên suốt, lập đề cương môn học để hệ thống kiến thức cần nghiên cứu, thường xuyên thảo luận với bạn bè dưới sự hướng dẫn và gợi ý của giảng viên nhằm mở rộng kiến thức theo hướng rộng và sâu sát vấn đề. Sau đó áp dụng lý thuyết đã học để giải bài tập và thực hành thường xuyên nhằm kiểm nghiệm tính thực tế của kiến thức.
  - Thời gian để tự học: thời gian học trong quá trình tự học của sinh viên là một yếu tố quan trọng, ngoài thời gian đến trường để học tập thì khoảng thời gian còn lại rất lớn là do sinh viên tự học. Để phân bổ thời gian học tập và nghiên cứu một cách phù hợp và đạt được kết quả cao trong học tập đòi hỏi mỗi sinh viên cần có thời gian biểu cho mình một cách cụ thể theo tuần, tháng, học kỳ. Sinh viên học theo thời gian biểu đề ra thì kết quả học tập sẽ tốt hơn đối với những bạn không thực hiện theo thời gian biểu hoặc không lập thời gian biểu cho việc học tập. Những sinh viên biết cách học theo cách phân đoạn thời gian thì kết quả sẽ đạt tốt hơn so với những bạn chỉ học khi sắp thi hay kiểm tra, vì lúc này việc là học thuộc lòng chứ khó có thể hiểu hết vấn đề.



- Không gian tự học: không gian học đóng vai trò thiết yếu trong việc tự học của sinh viên. Ngoài việc học trên lớp sinh viên còn phải tự học ở nhiều môi trường khác nhau như: thư viện, phòng đọc...
- Những phương tiện hỗ trợ cho việc học tập: để tự học có hiệu quả thì không thể thiếu những phương tiện hỗ trợ. Mỗi chuyên ngành đòi hỏi cần có những phương tiện hỗ trợ riêng biệt như: tài liệu, phần mềm, dụng cụ thí nghiệm,... Bên cạnh đó cũng có những công cụ chung mang tính hiệu quả như: Internet, học với máy chiếu, phòng lab..... Tuy nhiên cũng không nên lạm dụng chúng một cách thoái hóa và phụ thuộc mà chúng ta phải biết tận dụng chúng để phát huy khả năng tiếp nhận kiến thức của mình một cách hợp lý.

Ngoài ra tự học còn bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố bên ngoài khác như: phương pháp giảng dạy của giảng viên, môn học, ngành học. Sự khác biệt này không thực sự lớn lắm, nhưng nó lại có những đặc trưng riêng và cách áp dụng khác nhau.

Ví dụ: sinh viên ngành kế toán thì áp dụng lý thuyết một cách nguyên tắc và chính xác nhất vào trong thực tiễn mà có rất ít sự thay đổi, nhưng sinh viên ngành quản trị kinh doanh phải linh động trong việc vận dụng lý thuyết vào trong thực tiễn nhằm đạt mục tiêu cao nhất.

## KIẾN NGHỊ

### Kiến nghị với sinh viên:

- Cần xây dựng kế hoạch học tập riêng cho mình, cho mỗi môn học, mỗi thời gian khác nhau một cách phù hợp. Có thời gian biểu theo hướng giai đoạn như: tuần, tháng, quý, năm để thực hiện có hiệu quả hơn.
- Thay đổi nhận thức và tâm lý tự học như thay đổi phương pháp học: học để hiểu, học để làm, chứ không phải học thuộc lòng theo thói quen thời phổ thông.
- Tự học có nghĩa bản thân mỗi sinh viên phải chủ động học chứ không trông chờ vào một sự tác động hay yếu tố chủ quan nào khác. Chủ động tham khảo trước bài học, chủ động trao đổi vấn đề với bạn bè, giảng viên để nắm bắt nội dung một cách tổng quan đầy đủ và đúng hướng. Phải lập đề cương môn học như xây dựng dàn ý để từ đó hệ thống lại vấn đề chính để dễ dàng phát triển vấn đề và nắm rõ nội dung hơn.
- Học đi đôi với hành: quá trình học tập đòi hỏi phải vận dụng lý thuyết vào trong thực tế. Điều này đòi hỏi sinh viên cần phải có điều kiện thực hành những lý thuyết đã học như: áp dụng lý thuyết để giải bài tập, xử lý tình huống,... Lý thuyết chính là cái nền tảng là hệ thống chung để áp dụng, để kiểm nghiệm cho thực tiễn. Vì vậy, việc hiểu và tiếp nhận lý thuyết để vận dụng vào thực tiễn đòi hỏi sinh viên cần nắm chắc và hiểu đúng, hiểu rõ, hiểu sâu lý thuyết.
- Tự đánh giá kết quả: mỗi sinh viên phải tự đánh giá được kết quả học tập – tự học của bản thân thông qua kết quả môn học, kiến thức tích lũy chứ không cần phải chờ sự đánh giá hay cho điểm của giảng viên. Từ đó có thể điều chỉnh cách học cho hoàn thiện hơn, đạt kết quả cao hơn.
- Để học tốt, học chủ động, mỗi sinh viên cần trang bị đầy đủ các kỹ năng cần thiết cho mình. Mỗi kỹ năng sẽ phục vụ cho mục đích và chuyên ngành riêng biệt để có thể vận dụng và phát huy khả năng tự học. Trong đó có một số kỹ năng thiết yếu sinh viên cần phải có như: kỹ năng tin học, Anh văn, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tra cứu tài liệu, kỹ năng giao tiếp...

### **Kiến nghị đối với Nhà trường:**

- Nên áp dụng các biện pháp hỗ trợ việc tự học cho sinh viên một cách khoa học, thiết thực, chính quy.
- Nhà trường cần kịp thời thay đổi thói quen học tập của sinh viên ngay từ khi sinh viên mới bước chân lên học đại học, vì phần lớn sinh viên năm đầu có thói quen học như học ở phổ thông trung học.
- Tổ chức hoạt động quản lý, đánh giá và khuyến khích phong trào tự học trong sinh viên.
- Tạo điều kiện thuận lợi về phương tiện, công cụ giảng dạy như: phòng học, phòng đọc, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng máy, máy móc, internet, wifi, khuôn viên để sinh viên có môi trường học tập tiện ích và thuận lợi hơn.
- Có chính sách, chương trình nhằm khuyến khích và hỗ trợ cho những sinh viên tiêu biểu tích cực, tự học và đạt kết quả cao trong học tập.

### **Kiến nghị đối với giảng viên:**

- Luôn hướng dẫn sinh viên cách tự học cho từng môn học, ngành học để sinh viên có thể tự nghiên cứu tốt, đạt kết quả học tập cao hơn.
- Giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, khơi gợi vấn đề nhằm kích lệ sinh viên tự tìm hiểu, tự nghiên cứu.
- Kịp thời điều chỉnh, hướng dẫn và hỗ trợ cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu khi thấy sinh viên cần tìm hiểu hay đi sai hướng, qua đó giúp sinh viên có thể hiểu đúng vấn đề. Điều cốt yếu của vấn đề này chính là việc giúp cho sinh viên hiểu đúng vấn đề và quay lại kịp lúc, chứ không phải để sinh viên thi lại, học lại thì mới chỉ dẫn, giảng dạy lại.